

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 35/TTr-SNN ngày 09 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023, Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định số 375/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019, Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022, Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K10, K13, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP,
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính							
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1.011470.000.00.00.H08	10 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến	-	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-
Tổng cộng: 01 TTHC								

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP									
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 375/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn									
1	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế 1.007917.000.00.00.H08	a) 30 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa) b) 45 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến	-	Tên thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, mẫu đơn, căn cứ pháp lý	Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
2	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế 1.007916.000.00.00.H08	a) Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: - Phê duyệt dự toán, thiết kế và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến	-	Tên thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, mẫu đơn, căn cứ pháp lý	Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
		về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế phê duyệt dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông							

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
		thôn; - Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan chuyên môn.							

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001827.000.00.00.H08	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy	x	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; Nộp phí, lệ phí; Trả kết quả trực tuyến	Phí Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000	Trình tự thực hiện, Thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết, Phí, Mẫu đơn	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của	-
---	---	--	---	---	---	--	---	---	---

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
			Nhơn			đồng/ cơ sở <i>Nộp tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ</i>		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính,	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ 127 Hai Bà Trưng,	X	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; Nộp phí, lệ phí; Trả kết quả	Phí Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm,	Trình tự thực hiện, Thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết, Phí, Mẫu đơn	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT	-

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
	2.001823.000.00.00.H08		thành phố Quy Nhơn		trực tuyến	thủy sản: 700.000 đồng/ cơ sở <i>Nộp tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ</i>		ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính	
Tổng cộng: 04 TTHC									

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	DVC trực tuyến	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC			
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN				
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP) do địa phương quản lý 2.001819.000.00.00.H08	Toàn trình	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019
Tổng cộng: 01 TTHC				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính							
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện 1.011471.000.00.00.H08	10 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến	-	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-
Tổng cộng: 01 TTHC								

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP									
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn									
1	Xác nhận bảng kê lâm sản 1.000045.000.00.00.H08	a) Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. c) Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến	-	Thành phần hồ sơ; mẫu đơn, tờ khai, căn cứ pháp lý	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-
2	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên 1.000047.000.00.00.H08	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần: Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến	-	Thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, mẫu	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính								
							đơn, căn cứ pháp lý		
Tổng cộng: 02 TTHC									

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số thủ tục hành chính		
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
1	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp huyện) 1.000037.000.00.00.H08	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019
Tổng cộng: 01 TTHC			